

MỘT SỐ NGUYÊN NHÂN CƠ BẢN TÁC ĐỘNG ĐẾN ĐỔI MỚI LÝ LUẬN VĂN HỌC VIỆT NAM (TỪ 1986 ĐẾN NAY)

Cao Thị Hồng*

Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên

TÓM TẮT

Bài viết đã hệ thống và phân tích những nguyên nhân cơ bản tác động đến sự đổi mới của lý luận văn học Việt Nam (từ 1986 đến nay), trong đó nhấn mạnh đến những nguyên nhân quan trọng hàng đầu như đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng, sự phát triển của đời sống sáng tác văn học, đội ngũ những người nghiên cứu lý luận. Việc nghiên cứu về những nguyên nhân cơ bản thúc đẩy lý luận văn học đổi mới hơn hai mươi năm qua sẽ góp phần giúp chúng ta có một cái nhìn đối sánh, để từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu trong tiến trình hiện đại hóa lý luận nước nhà trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

Từ khóa : *lý luận văn học, đổi mới*

Hơn hai mươi năm qua, lý luận văn học văn học Việt Nam đã thực sự có những bước tiến đáng kể, nó vượt qua những rào cản của tư duy thủ cựu, đóng băng trong một thời gian dài để khởi sắc, làm nên một diện mạo mới, lý luận đã và đang dần dần hình thành một hệ thống quan niệm mà ở đó có sự kết tinh của việc phát huy những tinh hoa cũ và tiếp nhận, bổ sung thêm những giá trị mới. Những đổi thay này đã góp phần không nhỏ trong việc định hướng cho đời sống sáng tác và phê bình văn học. Có nhiều nguyên nhân hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp tác động đến sự đổi mới của lý luận văn học trong thời gian qua, dưới đây chúng tôi xin điểm lại một số nguyên nhân cơ bản.

TÂM THẾ ĐỒNG THUẬN VÀ KHÁT VỌNG HƯỚNG VỀ ĐỔI MỚI CỦA TOÀN XÃ HỘI - SỰ VẬN ĐỘNG CÙNG CHIỀU VỚI THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI.

Từ sau chiến thắng mùa xuân năm 1975, dân tộc Việt Nam bước sang một giai đoạn phát triển mới của lịch sử. Tuy vậy trong khoảng thời gian mười năm sau chiến tranh (1975-1985) người Việt Nam vẫn phải tiếp tục sống trong sự “khép kín”, không giao lưu rộng với các nước trên thế giới và buộc phải chấp nhận những gì tù túng của cơ chế quan liêu bao cấp

(sinh ra bởi hoàn cảnh lịch sử đặc biệt) trên mọi phương diện xã hội: từ kinh tế, chính trị đến văn hóa, văn học nghệ thuật... “Những sự o ép và gò bó khá phổ biến đã tạo ra trong tâm lý người dân, đặc biệt trong giới nhân viên công chức một tâm quán xấu: *sự phục tùng tự nguyện*” [1]. Điều này xảy ra ở thời điểm ngay sau những cuộc chiến tranh vệ quốc triền miên như nước ta, thiết nghĩ cũng là hợp với quy luật vận động khách quan của các hiện tượng đời sống trong xã hội loài người. Bởi vì như quan điểm mác xít đã chỉ rõ sự biến chuyển và tiến bộ xã hội buộc phải có một nhân tố trung gian quan trọng: Điều kiện thời gian.

Nhưng từ cuối những năm 80 trở đi đến nay, tình hình xã hội đã bắt đầu biến đổi. Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI (năm 1986) như một cái mốc quan trọng xoay chuyển tình thế của đất nước: Từ hệ thống nhà nước bao cấp, quan liêu chuyển sang thực hành dân chủ hóa xã hội, phát huy nhân tố sáng tạo của mỗi cá nhân, quyền cá nhân của con người được tôn trọng. Từ thế “khép kín” chuyển sang “mở cửa”, giao lưu với tất cả các dân tộc trên thế giới, kể cả những quốc gia đã từng là kẻ thù dân tộc “không đội trời chung” một thời. Và cũng từ đây, “lần đầu tiên trong hai thế kỷ nay Việt Nam bây giờ không có kẻ thù chiến lược” [2]. Lần đầu tiên Việt Nam đã trở thành thành viên có vị thế nhất định trong

*Tel: 0974088979

cộng đồng quốc tế và cũng là “lần đầu tiên trong lịch sử của mình Việt Nam có khả năng thực hiện được ước vọng là giương cao ngọn cờ hữu nghị và hợp tác vì sự hòa bình và phát triển của mọi quốc gia trong cộng đồng thế giới.[3]. Mở rộng giao lưu quốc tế là cơ hội để mở rộng tầm nhìn của người Việt. Và đặc biệt ở thế kỷ XX, thế giới đã trải qua nhiều biến động thăng trầm, nhưng những bước tiến của nhân loại trong mọi lĩnh vực của đời sống đã được khẳng định: đó là sự phát triển của trào lưu khoa học tự nhiên có ảnh hưởng lớn tới khoa học xã hội, hệ thống lý thuyết khoa học của nhiều ngành khoa học được xác lập đã làm thay đổi lớn lao bức tranh khoa học thế giới. Nhân loại đang tiến về thế kỷ XXI, mà như dự đoán của các nhà nghiên cứu xã hội đó là thế kỷ nhân văn. Trong xu thế vận động của toàn cầu, Việt Nam trở thành một mắt xích không thể thiếu. Sự thức tỉnh trước thực trạng nghèo nàn, lạc hậu, dân trí kém mở mang của người Việt Nam sau đêm dài chìm trong chiến tranh đau khổ, mất mát, hy sinh đã mang lại cho đời sống dân tộc một luồng sinh khí mới. Đội ngũ trí thức, giới văn nghệ sĩ là lực lượng tiên phong trong công cuộc đổi mới này bởi họ là những người nhanh nhạy trong việc nắm bắt tinh thần mới của thời đại. Tiếng nói của họ chính là tiếng nói đại diện cho khát vọng hướng về cái văn minh, tiên bộ, phá thế khép kín để được cùng nhân loại tiến bước về tương lai tươi sáng, dấu biết rằng cuộc hành trình hướng về phía trước lần này là một thử thách lịch sử quá lớn lao và mới mẻ, đầy gian khó gập gềnh, nói như trong một câu thơ của Thụy Kha: “*Đất nước... phải trần trở lột xác mình đứng dậy.*” Như vậy, nhìn từ một bối cảnh rộng lớn có thể thấy công cuộc đổi mới văn học nói chung và lý luận văn học nói riêng ở nước ta là một cuộc cách mạng “vận động cùng chiều với thế giới”[4], cuộc cách mạng này mang tính tất yếu của lịch sử, và chính vì vậy nó đã được thúc đẩy phát triển bởi sức mạnh *tâm thế đồng thuận của toàn xã hội* trong một thời điểm lịch sử có nhiều cơ hội thuận lợi chưa từng thấy đối với dân tộc Việt Nam.

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA SÁNG TÁC VĂN HỌC

Bắt đầu từ giữa những năm 80 của thế kỷ XX, văn học Việt Nam chuyển từ tư duy nghệ thuật mang tính sử thi sang tư duy nghệ thuật mang tính thế sự-đời tư. Nhiều vấn đề phức tạp, nóng hổi của xã hội đang đặt ra đòi hỏi nhà văn phải lý giải, cắt nghĩa trên tinh thần đổi mới. Xu hướng dân chủ hóa trở thành xu hướng bao trùm của nền văn học nó thâm sâu và được thể hiện ở nhiều cấp độ và bình diện của đời sống văn học. Văn học thời kỳ này đã và đang vận động theo xu hướng *từng bước xác định thêm các giá trị mới bên cạnh các giá trị cũ*. Sự vận động này của văn học đổi mới đã đặt ra cho lý luận nhiều vấn đề cần giải quyết, trong đó có một số bình diện cơ bản sau đây:

Ở bình diện ý thức nghệ thuật, đó là sự biến đổi quan trọng của các quan niệm về vai trò, vị trí, chức năng của văn học, về nhà văn và quan niệm về hiện thực. Những mặt trái của xã hội xã hội chủ nghĩa được phơi bày. Trong rất nhiều tác phẩm đặc biệt ở các thể loại tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ, hiện thực nghệ thuật hiện lên đa chiều, có cái như cuộc sống vốn có, nhìn thấy trong đời thực, có cái không thể nhìn thấy, hoặc chưa thấy xuất hiện trong đời thực, nó chỉ là ý niệm của nhà văn, là “hiện thực siêu hiện thực”. Vậy phải cắt nghĩa thế nào đây nếu chỉ quan niệm rằng “văn học là tấm gương phản ánh hiện thực” một cách thuần túy, đơn giản.

Ở bình diện nghệ thuật sáng tác: Nở rộ các phong cách, bút pháp, cá tính sáng tạo của nhà văn được phát huy cao độ. Chưa bao giờ văn học Việt Nam lại có sự đa dạng về các phương diện nghệ thuật như thời kỳ này.

-Đổi mới quan niệm nghệ thuật về con người: Không đơn thuần chỉ nhìn rạch ròi theo sự phân định thiện-ác, bạn-thù, tốt-xấu, con người xã hội được nhìn nhận trong nhiều mối quan hệ khác nhau. Có những vấn đề trước đây nhà văn né tránh như vấn đề đồng tính, vấn đề xung đột thế hệ, vấn đề quan niệm cổ hủ về giá trị, vấn đề xung đột văn hóa... nay đều được đề cập trong các sáng tác. Vấn đề con người tự nhiên (bản năng) được văn học thời kỳ này quan tâm miêu tả với tinh thần nhìn con người trong tính toàn vẹn của nó.(Con người có nhu cầu ăn, ở, mặc, tính dục...). Các nhà văn đã khai thác con người tự

nhiên trước nhu cầu của hạnh phúc đời thường, của cuộc sống riêng tư. Nhiều tác phẩm đã không ngần ngại miêu tả chất sắc dục, tình yêu nhục thể ở những yếu tố tích cực của con người tự nhiên. Các tác phẩm của Ma Văn Kháng (*Ngược dòng nước lũ*), Bảo Ninh (*Nỗi buồn chiến tranh*), Dương Hương (*Bến không chồng*), Nguyễn Bình Phương (*Người đi vắng*), Chu Lai (*Ấn mày dĩ vãng*), Nguyễn Đình Chính (*Đêm thánh nhân*)... đều thấm đẫm cảm hứng nhân bản về con người. Vấn đề này đặt ra cho lý luận nhiều vấn đề, trong đó phải cắt nghĩa vấn đề con người trong nghệ thuật từ phương diện tâm, sinh lý ở tâm văn hóa cao và tâm mỹ học sâu sắc.

-Đổi mới về phương thức biểu hiện: Xuất hiện bút pháp tả thực mới: Trong quan niệm truyền thống, tả thực được hiểu là sự thể hiện trung thành với hiện thực. Hiện thực trong tác phẩm và hiện thực ngoài cuộc đời tương đồng nhau. Sau 1986, hiện thực được các nhà văn soi chiếu từ nhiều góc nhìn khác nhau. Trong tác phẩm của Lê Lựu (*Thời xa vắng*), Nguyễn Khắc Trường (*Mảnh đất lắm người nhiều ma*), Dương Hương (*Bến không chồng*),... các nhà văn tả thực vừa theo cái nhìn khách quan vừa theo cái nhìn giễu nhại mà văn học trước đây chưa có. Bên cạnh đó còn phải kể đến bút pháp trào lộng, giễu nhại được thể hiện thành công trong các tác phẩm của Phạm Thị Hoài (*Thiên sứ*), Hồ Anh Thái (*Cõi người rung chuông tận thế*), Nguyễn Khải (*Thượng đế thì cười*),... bút pháp phóng dụ, huyền thoại, tượng trưng trong các tác phẩm của Võ Thị Hào (*Giàn thiêu*), Tạ Duy Anh (*Thiên thần sám hối*), Châu Diên (*Người sông Mê*)... Bút pháp tả thực mới xuất hiện buộc lý luận phải tìm cách lý giải, đưa ra câu trả lời về một thế giới hiện thực nghệ thuật khác trước xuất hiện trong các tác phẩm của các nhà văn giai đoạn này.

-Đổi mới về cách xây dựng nhân vật văn học: Thủ pháp quen thuộc trong truyền thống là miêu tả tính cách nhân vật thông qua xung đột, hoặc miêu tả tâm lý nhân vật, từ đó có thể thấy rõ những thông tin về ngoại hình, lai lịch, diễn biến nội tâm nhân vật. Văn học đổi mới đã bút thoát khỏi mặt bằng chung đó, xuất hiện những tác phẩm vận dụng kỹ thuật

dòng ý thức để khai thác chiều sâu tâm trạng, đời sống tâm linh như một nguyên tắc nghệ thuật xuyên suốt, chủ đạo. Thủ pháp này thể hiện rõ trong các tác phẩm ở thể loại tiểu thuyết *Nỗi buồn chiến tranh* (Bảo Ninh), *Thiên Sứ* (Phạm Thị Hoài), *Trí nhớ suy tàn* (Nguyễn Bình Phương), *Người sông Mê* (Châu Diên),... Trong tiểu thuyết dòng ý thức, nhân vật thường mang tâm trạng mơ hồ, chuỗi cảm xúc của nhân vật ùa về miên man không dứt hết đợt này đến đợt khác. Những giấc chiêm bao như một ngôn ngữ độc thoại để giải mã thế giới vô thức của con người. Thật khó lý giải những vấn đề trên của tiểu thuyết loại này theo những khái niệm như “tính cách điển hình trong hoàn cảnh điển hình” mà trước đây thường quan niệm.

-Đổi mới về nghệ thuật kết cấu tác phẩm : Ngoài kiểu kết cấu truyền thống theo trình tự thời gian, văn học đổi mới còn được thử nghiệm ở nhiều kiểu kết cấu tác phẩm khác như : Kết cấu lắp ghép, kết cấu đồng hiện, kết cấu lồng ghép... (Thể hiện rõ qua sáng tác của các nhà văn Bảo Ninh, Phạm Thị Hoài, Chu Lai, Nguyễn Trí Huân, Tạ Duy Anh, Thuận, Võ Thị Hào, Nguyễn Bình Phương, Nguyễn Việt Hà...). Tất cả những kiểu kết cấu này đặt ra cho lý luận câu hỏi đòi hỏi phải trả lời : ý nghĩa kết tinh của tác phẩm nằm ở đâu thông qua những kiểu kết cấu khiến cho sự phân rã cốt truyện ngày càng nên phổ biến?.

-Đổi mới về phương thức trần thuật: Trước 1975 phương thức tổ chức trần thuật của văn xuôi Việt Nam chủ yếu được triển khai từ cái nhìn “biết trước”. Với cái nhìn này, nhà văn nắm trong tay mình sự phát triển của mạch chuyện cũng như số phận nhân vật. Nhưng từ văn học đổi mới, ý thức tạo dựng nhiều điểm nhìn, dịch chuyển điểm nhìn nghệ thuật liên tục đã trở thành một thủ pháp nghệ thuật có tính phổ biến. Việc xây dựng một hệ thống điểm nhìn nghệ thuật mới mẻ, linh hoạt, trong đó các trường nhìn đan xen nhau đã làm cho cấu trúc tác phẩm trở nên uyển chuyển và có sức biểu đạt lớn.

-Đổi mới về ngôn ngữ : Ngôn ngữ của từng thế loại văn học thời kỳ đổi mới mang sắc thái khác nhau nhưng có một điểm chung là nó dung nạp vào bản thân nó nhiều ngôn ngữ đời thường thô ráp,(kể cả thơ là một thế loại trước nay ngôn từ du dương nhất). Nhiều các hiện tượng sử dụng ngôn ngữ mới lạ đã xuất hiện trong các tác phẩm, ngôn ngữ thơ Lê Đạt, Trần Dần, Dương Tường, Hoàng Hưng, Vi Thùy Linh, ... ngôn ngữ văn xuôi của Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh, Phạm Thị Hoài, Hồ Anh Thái, Võ Thị Hào, Nguyễn Việt Hà, Nguyễn Ngọc Tư,... đó là thứ ngôn ngữ mang tính đa thanh, song điệu, biến ảo. Ngôn từ văn học không chỉ nhận nghĩa một cách thụ động, không cam chịu làm phương tiện biểu đạt tư tưởng mà còn có thể kiến tạo tư tưởng. Các nhà thơ, nhà văn thời đổi mới đã cố gắng nỗ lực, cải tạo, đột phá những cấu trúc, những mô hình đã trở nên kiên cố của ngôn ngữ, tự giải phóng tư duy trong sáng tạo nghệ thuật. Bình diện ngôn từ, thực chất là một cuộc đấu tranh để người nghệ sĩ khẳng định sự hiện diện cái tôi trước áp lực của văn hóa, của thiết chế xã hội, chính trị. Điều này khác xa với thời xem văn học là để “tài đạo”, làm “công cụ” đơn thuần phục vụ chính trị. Như vậy, ở thời kỳ đổi mới, khi thế giới bước vào một thời kỳ hội nhập, giao lưu và trao đổi văn học, văn hóa đa phương, đa dạng thì trong đời sống sáng tác văn học, đã xuất hiện nhiều những hiện tượng văn học khác lạ, góp phần phá vỡ không khí trầm mặc, ngưng đọng của văn học Việt Nam sau chiến tranh. Không khí đổi mới trong sáng tác là một thách thức đối với lý luận, hệ thống lý luận trước đây không thể bao chứa, giải thích nổi những hiện tượng văn học mới của nước nhà. Sự phát triển của thực tiễn sáng tác, đã đánh thức tư duy lý luận, cần có cách nhìn và quan niệm mới trên nhiều phương diện cơ bản, phải tìm cách trả lời những vấn đề cấp bách mà sáng tác đặt ra. Hơn bao giờ hết, tính cách mạng của thực tiễn sáng tác đòi hỏi lý luận cần có sự tổng kết, đúc rút, điều chỉnh và bổ sung để đổi mới nếu không muốn lạc hậu so với thực tiễn.

ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI ĐÚNG ĐẮN VỀ VĂN HÓA, VĂN NGHỆ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM.

Nếu trong thời kỳ chiến tranh, quan điểm đường lối của Đảng là “văn học phục vụ chính trị”,tất cả ưu tiên cho nhiệm vụ giải phóng đất nước, thì nay trong thời bình, với tinh thần đổi mới nhận thức luận Đảng khẳng định: “Không hình thái tư tưởng nào có thể thay thế được văn học và nghệ thuật trong việc xây dựng tư tưởng tinh cảm lành mạnh, tác động sâu sắc vào việc đổi mới nếp nghĩ, nếp sống của con người”[5]. Đây là một nhận định vô cùng quan trọng, cho thấy Đảng Cộng sản Việt Nam đã *đánh giá đúng vị trí và vai trò của văn học nghệ thuật* để từ đây văn học nghệ thuật có cơ hội đổi mới và phát triển theo đúng *quy luật đặc thù* của nó. Sự “cởi trói”(từ dùng của cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh) của Đảng và chính sách Nhà nước đối với văn học nghệ thuật trong suốt thời kỳ đổi mới đã liên tục được cụ thể hóa trong các văn kiện, nghị quyết.

Nếu như trước đây tư tưởng lãnh đạo văn nghệ chủ yếu là yêu cầu quán triệt và đề phòng đi chệch hướng, thì ngày nay tư tưởng chủ yếu là làm cho văn nghệ phát triển, phong phú và đa dạng. Sự cởi mở trong đường lối của Đảng Cộng sản được thể hiện trong NQ 05-NQ/TW (28/11/1987) – đây là sự khởi đầu cho việc Đảng ban hành nhiều các văn kiện sau này mà mục đích hướng đến là “Khuyến khích tự do sáng tạo văn học nghệ thuật vì sự hoàn thiện con người, bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm cao đẹp, đề cao tinh thần tự hào dân tộc, ý chí tự lực, tự cường, phấn đấu làm cho dân giàu, nước mạnh, phê phán những thói hư, tật xấu, cái độc ác, thấp hèn” [6]. Đặc biệt chỉ thị 52/CT/TW ngày 08/06/1989 của Ban Bí thư TW. Khóa VI *Về đổi mới và nâng cao chất lượng phê bình văn học* chứng tỏ Đảng Cộng sản đã quan tâm chú ý đến sự phát triển của hoạt động nghiên cứu phê bình văn học-một lĩnh vực vẫn bị coi là còn nhiều hạn chế của văn học nước nhà. Muốn đổi mới và nâng cao chất lượng phê bình văn học đương nhiên lý luận văn học cũng phải được coi trọng đặc

biệt. Ý thức về tầm quan trọng của học thuật lý luận lúc này đã là một xu hướng chung của toàn thể xã hội, đặc biệt là những người thuộc tầng lớp trí thức. Quyết định của Ban Bí thư TW khóa IX về thành lập *Hội đồng lý luận phê bình văn học nghệ thuật TW* đã tạo ra tiền đề tổ chức quan trọng để hoạt động lý luận phê bình đạt được những kết quả tích cực trong thời kỳ đổi mới.

Nhìn một cách tổng quát về đường lối của Đảng Cộng sản đối với văn học nghệ thuật, sợi chỉ đỏ xuyên suốt toát ra từ các nghị quyết, chỉ thị, các báo cáo chính trị và cũng là động lực lớn nhất thúc đẩy đổi mới đó là Đảng đã tạo nên *không khí dân chủ của xã hội- Một xu thế lớn của thời đại và đời sống tinh thần của con người*. Với tinh thần dân chủ, từ một hệ tư tưởng khép kín, chuyển sang cái nhìn rộng mở, đối thoại; từ ý thức chính trị độc tôn chuyển sang coi trọng các nhân tố văn hóa, khoa học. Dân chủ hóa trên mọi mặt của đời sống xã hội được xem là một thành tựu quan trọng của công cuộc đổi mới do Đảng ta phát động từ 1986 đến nay. *Tư duy dân chủ với tinh thần cốt lõi “nhìn thẳng vào sự thật”*- Đó là một đặc trưng khác biệt trong đường lối chỉ đạo văn hóa văn nghệ của Đảng ta thời đổi mới. Trên lĩnh vực văn học nghệ thuật nói chung, lý luận và phê bình nói riêng, tinh thần dân chủ thực sự trở thành động lực thúc đẩy tiến trình đổi mới tư duy lý luận và hoạt động sáng tạo .

Đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam về văn hóa văn nghệ thời đổi mới là đúng đắn, phù hợp với tiến trình vận động của văn học Việt Nam khi đất nước trở lại với cuộc sống bình thường muôn mặt. Đây là cơ sở quan trọng nhất, quyết định hướng đi cũng như cơ cấu nội dung của lý luận văn học. Có thể ví nó như chiếc chìa khóa để mở cánh cửa thành công của công cuộc đổi mới văn học nghệ thuật nói chung và lý luận văn học nói riêng.

NHỮNG ẢNH HƯỞNG CỦA PHONG TRÀO ĐỔI MỚI TRONG VĂN NGHỆ CỦA LIÊN XÔ VÀ TRUNG QUỐC

Ảnh hưởng của phong trào “cải tổ” văn nghệ ở Liên Xô:

Công cuộc đổi mới ở Liên Xô diễn ra bắt đầu vào năm 1985 đã tác động mạnh đến giới trí thức, giới văn nghệ sĩ của Việt Nam. Mọi thông tin về công cuộc “cải tổ” ở Liên Xô gần như xuất hiện trên mặt báo chí Việt Nam một cách kịp thời nhất. Tiếp nhận những vấn đề mới mẻ trong công cuộc cải tổ của Liên Xô, tinh thần chung của giới trí thức, văn nghệ sĩ Việt Nam là đồng tình với tư tưởng đổi mới, tinh thần dân chủ, tự phê của giới lý luận phê bình văn học Liên Xô. Những vấn đề gì của lý luận văn học Liên Xô được xem xét lại trong thời kỳ “cải tổ” được quan tâm giới thiệu và có ảnh hưởng đến tư tưởng học thuật của các nhà nghiên cứu lý luận Việt Nam?

Thứ nhất, các nhà nghiên cứu lý luận Liên Xô đánh giá lại lý luận văn học Xô Viết và dần đi đến thống nhất quan điểm chung là: Lý luận văn học Xô Viết còn bị gò ép, chật chội. Đã đến lúc phải xem xét và phục hồi lại các vấn đề lý luận, các khuynh hướng nghệ thuật trước đây bị đánh giá không đúng. Đây là một tinh thần đổi mới mang tính khoa học, khách quan, nghiêm túc. Họ mong muốn đặt đúng vị trí những gì đáng được tôn vinh và loại bỏ những gì không còn phù hợp, thậm chí là lực cản đối với sự tiến bộ của một nền văn học.

Thứ hai, đó là việc các nhà nghiên cứu nhìn nhận lại phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa, ngọn cờ của nền văn học vô sản. Đây là vấn đề được thảo luận sôi nổi trên văn đàn. Không ai phủ nhận văn học Xô Viết với nhiều thành tựu đã đạt, nhưng lý luận về phương pháp này còn có nhiều vấn đề cần bàn cãi. Quan niệm “ sự phản ánh cuộc sống bằng chính những hình thức của bản thân đời sống” bị hoài nghi và không được đồng tình. Các nhà nghiên cứu cho rằng khái niệm hiện thực xã hội chủ nghĩa bị hiểu chung chung, sáo mòn, cần phải cụ thể hóa nó trong từng thời kỳ khác nhau, chẳng hạn tính đảng cộng sản, tính lạc

quan phải được nghiên cứu thêm và hiểu theo những cách mới.

Thứ ba, vấn đề “tính hiện thực của phản ánh” đã được giới thiệu ở Việt Nam và thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, nhà văn. Ý kiến của các nhà lý luận Xô Viết cho rằng cái mới của văn học đương đại là phải thể hiện được mặt trái của đời sống xã hội chủ nghĩa. Công cuộc “cải tổ” văn học nghệ thuật nói chung và lý luận văn học nói riêng của các nhà nghiên cứu khoa học nhân văn Xô Viết đã giúp các nhà nghiên cứu lý luận phê bình Việt Nam có thêm kinh nghiệm học thuật để vận dụng trong công cuộc đổi mới văn học ở Việt Nam.

Ảnh hưởng của tinh thần “cải cách mở cửa” của văn nghệ Trung Quốc.

Đại hội văn nghệ Trung Quốc lần thứ tư họp vào tháng 10- 1979 đã mở ra một giai đoạn mới cho văn nghệ ở quê hương của chủ nghĩa Mao và “cách mạng văn hóa”. Nhà lãnh đạo Đặng Tiểu Bình trong bài *Tình hình và nhiệm vụ trước mắt* tuyên bố: Thứ nhất, “không tiếp tục” sử dụng nguyên lý “văn học tùng thuộc chính trị” nữa”, vì thực tế cho thấy nó chỉ là căn cứ để can thiệp thô bạo vào văn nghệ, “lợi ít, hại nhiều”; Thứ hai, giải phóng tư tưởng, mở cửa cải cách, tiến theo thời đại, sáng tạo cái mới. Từ lời tuyên bố của ông Đặng Tiểu Bình, lý luận văn học Trung Quốc có thêm động lực thúc đẩy và đã đạt được những thành tựu đáng kể trong thời kỳ đổi mới.

Vấn đề gì của học thuật lý luận Trung Quốc có ảnh hưởng tới Việt Nam? Trước hết là tinh thần “phản tư”. Theo nhà phê bình Trương Nhân (1988) “phản tư” (réflexion) “là quy luật của văn học, là đòi hỏi bên trong của văn học luôn luôn phải tự nhìn lại mình và lịch sử, truyền thống, luôn đổi thay hệ quy chiếu của mình để nhìn nhận hiện thực sâu sắc hơn”[7]. Ở giai đoạn “phản tư”, lý luận văn nghệ Trung Quốc diễn ra cuộc “thanh toán chủ nghĩa tả khuynh trong văn học...nổi lên hàng đầu là quan hệ văn học và chính trị”, đòi hỏi bức xúc nhất là tháo gỡ những quan niệm chính trị thiên cận như vòng kim cô thít chặt toàn bộ đời sống, trong đó có văn nghệ.

Nếu nhìn lại giai đoạn đầu của thời kỳ đổi mới ở nước ta, mô hình “phản tư” cũng được triển khai sôi nổi và đạt được một số thành tựu nhất định trong việc phát triển tư duy lý luận văn học lên một cấp độ mới. Hành trình đổi mới lý luận văn học của đất nước ta đi sau Trung Quốc, và tất nhiên chúng ta còn phải thực sự cởi mở, cầu thị để tiếp thu, đối thoại với những thành tựu của nước bạn.

ĐỘI NGŨ NHỮNG NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN VĂN HỌC

Nói tiếp truyền thống của các nhà nghiên cứu lý luận lớp trước, các nhà nghiên cứu lý luận thời đổi mới đã ý thức rõ hơn bao giờ hết vai trò, vị trí quan trọng của lý luận trong thời kỳ mới của đất nước, “chưa bao giờ lý luận văn học cần cho văn học như bây giờ”(Hà Minh Đức), và họ đã nỗ lực vượt qua những giới hạn, những rào cản để tìm về chân lý của học thuật, mỗi người phát huy một thế mạnh riêng, cùng nhau xây dựng nền lý luận văn học hiện đại Việt Nam. Họ là những nhà khoa học nghiêm túc và thực sự tâm huyết với khoa học, khát vọng được góp phần thúc đẩy nền lý luận văn học Việt Nam phát triển, bước đầu vượt qua những thách thức của thời đại.

Một đặc điểm quan trọng của đội ngũ những người trực tiếp xây dựng nền lý luận văn học Việt Nam thời đổi mới là họ có năng lực khoa học và nhạy bén trong việc nắm bắt tư duy lý luận hiện đại. Họ đã mạnh dạn, tiên phong đề xuất những vấn đề học thuật mới mẻ, rất có thức trong việc nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc những tư tưởng triết học và mỹ học của cả phương Đông và phương Tây.

Các nhà nghiên cứu lý luận giai đoạn đổi mới rất có ý thức xây dựng lý luận gắn liền với thực tiễn. Đối với họ, lý luận văn học không chỉ là sự “bàn luận văn chương” mà vượt lên điều đó, tư duy lý luận văn học phải xuất hiện như là hệ quả của sự phát triển của văn học và giải quyết những vấn đề văn học đương thời.

Điểm lại một số nguyên nhân cơ bản có ít nhiều tác động đến tiến trình phát triển của lý luận văn học giai đoạn từ 1986 đến nay, thiết nghĩ rằng những đổi mới của lý luận văn học Việt Nam đã và đang đi theo đúng dòng chảy

của nhân loại và dân tộc. Lý luận văn học Việt Nam đương đại đang đứng trước những đòi hỏi ngày một gay gắt của quá trình hội nhập với văn học thế giới, những câu hỏi về các vấn đề lý luận một lần nữa, không ngừng được đặt ra. Hy vọng rằng việc lý giải thấu đáo các nguyên nhân cơ bản sẽ phần nào giúp chúng ta tự tin, bình tĩnh, sáng suốt, rút ra những bài học kinh nghiệm cho việc: “*tổ chức nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc thành quả lý luận văn học, nghệ thuật của ông cha ta và của thế giới, vận dụng sáng tạo, làm phong phú cho hệ thống lý luận văn học, nghệ thuật Việt Nam hiện đại; tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho mọi năng lực sáng tạo có cơ hội phát huy, phát triển, khích lệ những tìm tòi, tôn trọng những ý kiến khác nhau về lý luận và phê bình văn nghệ vì lợi ích chung và sự phát triển lành mạnh của văn nghệ*”[8].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Hoàng Ngọc Hiến (2008), *Đổi mới, sự nhón nháo vĩ đại*, Tạp chí Sông Hương, số 230.
[2],[3]. *Thời cơ vàng của chúng ta* (2006), Nxb.Trẻ và VN Nét (bài của Nguyễn Trung).
[4],[7].Trần Đình Sử (2000), *Lý luận và phê bình văn học*, Nxb.Giáo dục, Tr.13,28.
[5],[6].*Về lãnh đạo, quản lý văn học nghệ thuật trong công cuộc đổi mới*,(2001) Nxb.CTQG, Hà Nội, tr.10, tr.45.
[8]. Nghị quyết 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X *Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới*.

SUMMARY

**SOME MAIN REASONS AFFECTED TO THE RENOVATION
OF VIETNAMESE LITERATURE ARGUMENTS (FROM 1986 UP TO NOW)****Cao Thi Hong****College of Agriculture and Forestry, Thai Nguyen University*

The article has been listed and analysed the main reasons that affected to the renovation of Vietnamese literature arguments (from 1986 up to now), in which, there are some important reasons has been emphasised, such as : the literature orientation of Party, the development of literature creation, the literature argumentative study team. The study of main reasons that has been made literature argument renovating over past twenty (20) years will give us a comparison-contrary view, from then on, we learn from precious experience in the progress of our country argument modernisation in the current globalisation situation.

Keywords: *Argumentative literature, renovation.*

* Tel:0974088979